

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **84/2020/HS-PT**

Ngày: 11/03/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hương.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Sơn.

Ông Nguyễn Văn Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quang Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 384/2019/TLPT-HS ngày 11 tháng 12 năm 2019 đối với các bị cáo Nguyễn Văn T và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 114/2019/HS-ST ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

1. **Nguyễn Văn T**, sinh ngày 07/7/2001 tại Đồng Nai (có mặt). Hộ khẩu thường trú: Ấp X, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Thiên chúa. Trình độ học vấn: 7/12. Nghề nghiệp: Không. Họ và tên cha: Nguyễn Văn B2, sinh năm 1967 (đã chết). Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1969. Bị cáo là con duy nhất trong gia đình và chưa có vợ con. Tiền án: Không. Tiền sự: Ngày 25/12/2018 bị Công an Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 2.000.000đ về hành vi buôn bán hàng cấm là pháo nổ.

Bị tạm giam từ ngày 22/4/2019 đến 29/5/2019.

Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

2. **Lăng Bảo C**, sinh năm 1992 tại Đồng Nai (có mặt). Hộ khẩu thường trú: Ấp 8, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch:

Việt Nam; Tôn giáo: Thiên chúa. Trình độ học vấn: 9/12. Nghề nghiệp: Công nhân. Họ và tên cha: Lăng Minh T1, sinh năm 1962. Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1963. Gia đình bị cáo có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ 04 trong gia đình và chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giam từ ngày 22/4/2019 đến 01/5/2019.

Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

3. **Nguyễn Minh B2**, sinh năm 1987 tại Đồng Nai (có mặt). Hộ khẩu thường trú: Ấp X, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Thiên chúa. Trình độ học vấn: 11/12. Nghề nghiệp: Làm rẫy. Họ và tên cha: Nguyễn Văn L1, sinh năm 1955. Họ và tên mẹ: Trần Thị Tuyết H1, sinh năm 1960. Gia đình bị cáo có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ 03 trong gia đình và có vợ tên là Đặng Nguyễn Thị Xuân T2, sinh năm 1993, có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giam từ ngày 22/4/2019 đến 29/5/2019.

Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

4. **Trần Ngọc L2**, sinh năm 1998 tại Đồng Nai (có mặt). Hộ khẩu thường trú: Ấp Suối Cả, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Thiên chúa. Trình độ học vấn: 9/12. Nghề nghiệp: Làm rẫy. Họ và tên cha: Trần Thanh L3, sinh năm 1973. Họ và tên mẹ: Đỗ Thị D, sinh năm 1974. Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ 02 trong gia đình và chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 22/4/2019 đến 20/5/2019.

Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

- Ngoài ra còn có bị cáo khác và người bị hại không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị; Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 16 giờ 00 phút ngày 21/4/2019, Nguyễn Văn T, Lê Công H2, Nguyễn Minh B2, Trần Ngọc L2, Lăng Bảo C và Nguyễn Quang D1 cùng nhau uống bia tại nhà anh Nguyễn Ngọc D2 tại Ấp X, xã B, huyện L. Trong lúc uống

rượu giữa Trần Ngọc L2 và Nguyễn Minh B2 có mâu thuẫn với Nguyễn Quang D1 nên xảy ra đánh nhau D1 bỏ chạy về nhà của anh ruột là Nguyễn Văn D3 (cách nhà anh D2 khoảng 200m). L2, H2 và B2 cùng nhau đuổi theo D1 đến nhà anh D3 thì thấy có đông người nên cả ba quay lại nhà anh D2. Sau đó, Nguyễn Văn T về nhà lấy 01 cây mã tấu tự chế, 01 cây gậy 03 khúc, 01 con dao (loại bản rộng để chặt cây), 01 bình xịt hơi cay, 03 quả pháo và 01 ống tuýp sắt dùng để đốt pháo, đưa cho Lê Công H2 01 cây mã tấu, Nguyễn Minh B2 cầm 01 ba khúc, Trần Ngọc L2 cầm bình xịt hơi cay, Nguyễn Văn T cầm 01 con dao và 03 quả pháo, 01 ống pháo, Lãng Bảo C cầm 01 cục đá (loại 4cm x 6cm) rồi tất cả đi tìm D1 để đánh. Khi cả nhóm đi đến nhà anh D3 thì gặp Nguyễn Đức B3, H2 dùng mã tấu chém vào người B3 thì B3 tránh được và xông vào ôm ngang người H2, H2 dùng mã tấu chém tiếp một cái trúng vào lưng của anh Nguyễn Đức B3, T dùng dao chém vào đầu B3 còn Nguyễn Minh B2 dùng gậy ba khúc đánh một cái vào đầu Nguyễn Đức B3. Do bị đánh nên Nguyễn Đức B3 buông người H2 ra bỏ chạy, lúc này anh Nguyễn Văn D3 thấy cháu mình bị đánh nên cùng một số người (không rõ tên tuổi, địa chỉ) chạy đến đánh lại thì bị Trần Ngọc L2 cầm bình xịt hơi cay xịt về phía anh D3, T đốt 03 quả pháo ném về phía nhóm người của anh D3 để đe dọa. Lãng Bảo C cầm cục đá (4cmx6cm) chạy đến hỗ trợ thì cả nhóm đã đánh Nguyễn Đức B3 nên ném cục đá xuống đất và cùng đi về nhà.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Đồng Nai số 0371/TgT/2019 ngày 25/4/2019 kết luận tỷ lệ thương tật của Nguyễn Đức B3 áp dụng theo phương pháp cộng lùi do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 11%.

Về vật chứng vụ án và xử lý vật chứng cấp sơ thẩm xã xử lý đúng quy định pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình các bị cáo đã thỏa T bồi thường xong cho bị hại và bị hại không có yêu cầu gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 114/2019/HS-ST ngày 11/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) (Riêng bị cáo T không được áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) nhưng áp dụng thêm Điều 90, Điều 91, Điều

101 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo T); bị cáo L2, C được áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); (bị cáo C không được áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017)): Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù; Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh B2 02 (hai) năm tù; Xử phạt bị cáo Trần Ngọc L2 20 (hai mươi) tháng tù; Xử phạt bị cáo Lăng Bảo C 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù của các bị cáo được tính từ ngày các bị cáo bị bắt để thi hành án và được trừ thời gian tạm giam mà mỗi bị cáo đã bị giam giữ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 22/10/2019, bị cáo Nguyễn Minh B2 kháng cáo xin được hưởng án treo. Ngày 24/10/2019, các bị cáo Trần Ngọc L2, Lăng Bảo C kháng cáo xin được hưởng án treo, riêng bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, các bị cáo giữ nguyên kháng cáo, tiếp tục đề nghị HĐXX xem xét.

Đại diện VKSND tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa nêu quan điểm:

Hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh B2, Lăng Bảo C và Trần Ngọc L2 đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá khách quan, toàn diện vụ án và các tình tiết giảm nhẹ hình phạt, xử phạt bị cáo T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù; bị cáo B2 02 (hai) năm tù; bị cáo L2 20 (hai mươi) tháng tù; bị cáo Lăng Bảo C 15 (mười lăm) tháng tù là thỏa đáng và phù hợp với vai trò mà các bị cáo đã gây ra. Bị cáo T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới ngoài những tình tiết mà cấp sơ thẩm đã xem xét.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo B2, C, L2 kháng cáo xin hưởng án treo và cung cấp các tình tiết giảm nhẹ mới ngoài những tình tiết mà cấp sơ thẩm đã xem xét, do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét Quyết định.

Ngoài ra, cần rút kinh nghiệm đối với cấp sơ thẩm về việc không áp dụng tình tiết “dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm” quy định tại điểm a khoản

1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo là thiếu sót.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào lúc 16 giờ 00 phút ngày 21/4/2019, tại nhà anh Nguyễn Ngọc D2 ngụ tại Ấp X, xã B, huyện L. Các bị cáo ngồi uống rượu với nhau, sau đó xảy ra mâu thuẫn với anh Nguyễn Quang D1. Nguyễn Văn T đã về nhà lấy hung khí gồm: mã tấu, dao, gậy ba khúc, bình xịt hơi cay, 03 quả pháo và một ống pháo tìm đến nhà anh Nguyễn Văn D3 (là anh của D1) để đánh D1. Tại đây, T gặp anh Nguyễn Đức B3 nên đã cùng với Lê Công H2, Nguyễn Minh B2 lao vào đánh anh Đức B3. Trong đó H2 dùng mã tấu chém anh Đức B3 một cái vào lưng, T dùng dao chém Đức B3 một cái vào đầu, còn Nguyễn Minh B2 dùng gậy ba khúc đánh trúng đầu Đức B3. H2 quả anh Nguyễn Đức B3 đã bị thương tích với tỷ lệ thương tật là 11% (Kết luận giám định pháp y về thương tích của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Đồng Nai số 0371/TgT/2019 ngày 25/4/2019).

Với hành vi phạm tội nêu trên, các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh B2, Trần Ngọc L2 và Lãng Bảo C đã bị cấp sơ thẩm xử phạt về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã không những xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Chỉ vì mâu thuẫn nhỏ trong lúc uống rượu với nhau mà các bị cáo đã dùng dao, mã tấu, gậy ba khúc là hung khí nguy hiểm gây thương tích cho người khác là vi phạm, thể hiện sự xem thường sức khỏe của người khác, xem thường pháp luật. Do đó cần có mức hình phạt phù hợp đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Khi lượng hình, cấp sơ thẩm xem xét các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường cho bị hại và được bị hại làm đơn xin xem xét giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Nguyễn Văn T khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi; bị cáo Trần Ngọc L2, Lãng Bảo C và Nguyễn Minh B2 đều có nhân thân tốt nên đã xử phạt bị cáo T

02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, bị cáo Minh B2 02 (hai) năm tù, bị cáo Trần Ngọc L2 20 (hai mươi) tháng tù, bị cáo Lăng Bảo C 15 (mười lăm) tháng tù là phù hợp, đúng quy định.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo:

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T và đồng phạm được người bị hại tiếp tục có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Các bị cáo Trần Ngọc L2, Lăng Bảo C và Nguyễn Minh B2 còn cung cấp thêm tình tiết mới đó là:

Bị cáo B2 cung cấp đơn thuốc bị cáo bị bệnh viêm gan, phiếu kết quả điện não của vợ bị cáo đang bị trầm cảm và còn đang mang thai, bị cáo có 02 con nhỏ (sinh năm 2012, 2018), đồng thời có xác nhận của chính quyền địa phương là lao động chính trong gia đình.

Bị cáo L2 cung cấp đơn thuốc, giấy ra viện bị cáo bị bệnh trào ngược dạ dày, thực quản, viêm tụy cấp N6, bố bị cáo bị bệnh nhiễm trùng tiêu hóa, bị cáo có xác nhận của địa phương là lao động chính trong gia đình.

Bị cáo C cung cấp đơn bãi nại đề nghị cho hưởng án treo của bị hại, giấy chứng nhận thương tích của bị cáo C, phiếu chỉ định, phiếu xét nghiệm mẹ bị cáo bị bệnh loạn sản cổ tử cung, bị cáo có xác nhận của địa phương là lao động chính trong gia đình.

Xét thấy, đây là các tình tiết mới Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo T; đối với các bị cáo B2, C, L2 đều có nhân thân tốt (chưa có tiền án, tiền sự) và có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), có nơi cư trú rõ ràng nên đủ điều kiện áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung 2017) cho các bị cáo, không cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao các bị cáo cho chính quyền địa phương và gia đình quản lý, giáo dục là cũng đủ nghiêm, phù hợp với quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định về điều kiện hưởng án treo, thể hiện tinh thần nhân đạo của pháp luật đối với người đã biết ăn năn hối cải.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

Do kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh B2, Trần Ngọc L2, Lãng Bảo C được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Ngọc L2, Lãng Bảo C Nguyễn Minh B2, sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo.

[2] Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt để thi hành án và được trừ thời gian tạm giam từ ngày 22/4/2019 đến ngày 29/5/2019.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao

Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Minh B2 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm.

- Bị cáo Lãng Bảo C 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng.

- Bị cáo Trần Ngọc L2 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 03 (ba) năm 04 (bốn) tháng.

Các bị cáo đều bị xử phạt về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn thử thách của bị cáo B2, bị cáo L2, bị cáo C tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao các bị cáo Lăng Bảo C, Trần Ngọc L2, Nguyễn Minh B2 cho Ủy ban nhân dân xã Bàu Cạn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai quản lý, giáo dục. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Về án phí:

Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND H. Long Thành (2);
- VKSND H. Long Thành;
- Công an H. Long Thành;
- Chi cục THADS H. Long Thành;
- Phòng PV27 CA tỉnh Đồng Nai;
- Trại giam - Bị cáo;
- Lưu HS (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Hồng Hương